TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 146/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23-11-2022
V/v: "Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Lợi

2. Ông Mai Văn Thuận

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Mỹ Nhan - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 322/2022/TLST - HNGĐ, ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 222/2022/QĐXX-ST, ngày 07 tháng 10 năm 2022; giữa:

1.Nguyên đơn: Chị Th My H, sinh năm:1985 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp LS, xã BT, huyện GR, tỉnh KG

2. Bị đơn: Anh Danh S, sinh năm: 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L S, xã BT, huyện GR, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Th My H trình bày: Chị và anh Danh S tự tìm hiểu quen biết trước và được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2005, năm 2011 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Bàn Thạch, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống H phúc nhưng dần về sau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến cải nhau tình cảm và H phúc gia đình rạn nứt. Đến năm 2017, chị và anh S đã sống ly thân nhau cho đến nay. Xét thấy hôn nhân của chị và anh S nếu miễn cưỡng chung sống với nhau cũng không mang lại H phúc, nên chị yêu cầu ly hôn anh S. Quá trình chung sống giữa chị và anh S có hai con chung tên Danh P H1, sinh ngày

04/02/2006 và Danh Thị Th Ph, sinh ngày 12/5/2012. Hiện nay cháu H1 và Ph đang sống chung với chị. Đối với con, chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con cho đến khi trưởng thành, chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng. Về tài sản và nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Danh S không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th My H.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn được thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị Th My H và anh Danh S tự tìm hiểu quen biết và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Bàn Thạch, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của chị H và anh S là hợp pháp. Chị H cho rằng cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cải nhau, không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau. Từ đó, làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt và mất dần H phúc gia đình, chị H và anh S đã ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được nên chị H khởi kiện xin ly hôn anh S là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

Về con chung: Chị H xác định chị và anh S có hai con chung tên Danh Ph H1, sinh ngày 12/5/2012 và Danh Thị Th Ph, sinh ngày 12/5/2012 Hiện nay hai con đang sống cùng với chị H. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và xét theo nguyện vọng của con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng. Từ khi chị H và anh S ly thân nhau, hai con sống với chị H, anh S cũng không tới lui thăm nom, chăm sóc; các cháu vẫn phát triển tốt và hai cháu có nguyện vọng sống cùng chị H nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, xử giao hai con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nên miễn xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh S cũng không có ý kiến phản đối gì đối với việc xác định trên của chị H nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Buộc chị H chịu án phí ly hôn 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Chị Th My H khởi kiện yêu cầu ly hôn, được quyền nuôi con chung với anh Danh S nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia

đình về ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và anh S với tư cách là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn anh Danh S đã được Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng anh vắng mặt tại nơi cư trú trước thời điểm chị Th My H khởi kiện tại Tòa án nên đã tiến hành niêm yết công khai các thủ tục tố tụng trên theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự và thực hiện thủ tục đăng tin thông báo cho anh Danh S được biết để tham gia phiên Tòa xét xử nhưng anh S vắng mặt. Chị H với tư cách là nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tiến hành đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt chị H, anh S là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th My H và anh Danh S tự tìm hiểu quen biết trước, được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2005 và được Ủy ban nhân dân xã BT, huyện GR, tỉnh KG chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh, chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị H và anh S phát sinh nhiều mâu thuẫn đã được chị H xác định trong quá trình khởi kiện và tại biên bản lấy lời khai tại Tòa án. Riêng anh S không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự: "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*. Nhưng anh S không có ý kiến gì. Mặc dù, nguyên nhân mâu thuẫn theo trình bày chị H là do bất đồng quan điểm và hoàn cảnh sống, vợ chồng thường xuyên cải nhau. Hiện tại giữa chị H và anh S đã không còn chung sống vợ chồng từ năm 2019 cho đến nay nên đời sống vợ chồng của chị H và anh S không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được. Và kể từ thời điểm chị H khởi kiện, chị xác định có liên hệ với anh S qua điện thoại và thông báo cho anh S biết việc chị khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án, anh S biết được thông tin vụ việc nhưng cố tình vắng mặt qua các lần mời của Tòa án. Điều đó chứng tỏ anh S không có thiện chí hàn gắn, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh S là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được ly hôn anh S.

[2.2] Về con chung: Chị H xác định chị và anh S có hai con chung tên Danh Ph H1, sinh ngày 04/02/2006 và Danh Thị Th Ph, sinh ngày 12/5/2012. Anh S không có ý kiến gì về con nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ mà chị H cung cấp là giấy khai sinh của cháu H1 và cháu Ph thể hiện anh S, chị H là cha mẹ của các cháu. Từ đó, có cơ sở để xác định cháu Danh Ph H1, sinh ngày 04/02/2006

và Danh Thị Th Ph, sinh ngày 12/5/2012 là con chung của chị H và anh S. Xét yêu cầu của chị H về việc yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện tại hai cháu đang sống với chị H, các cháu phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần và bản thân anh S cũng không có ý kiến cho rằng chị H nuôi con không tốt. Đến thời điểm xét xử, không có tài liệu chứng cứ nào xác định chị H không đủ điều kiện để nuôi con. Mặc khác, cháu Danh Phi Hùng và Danh Thị Thảo Phương cũng có ý kiến được sống cùng chị H. Bản thân chị H hiện tại cũng có công việc ổn định tạo thu nhập đảm bảo cho việc nuôi con. Trong khi anh S và chị đã ly thân nhau từ năm 2019 và kể từ thời điểm trên anh S cũng không một lần về thăm nom hay chăm sóc con. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao cháu Danh Ph H1 , sinh ngày 04/02/2006 và Danh Thị Th Ph, sinh ngày 12/5/2012 cho chị Th My H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh S được quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung, không ai có quyền cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh S cũng không có ý kiến phản đối và yêu cầu Tòa án giải quyết nên trường hợp sau này có tranh chấp thì khởi kiện thành vụ kiện khác.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; Án phí ly hôn sơ thẩm chị H phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008373 ngày 18/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Th My H được ly hôn với anh Danh S.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Danh Ph H1, sinh ngày 04/02/2006 và Danh Thị Th Ph, sinh ngày 12/5/2012 cho chị Th My H trực tiếp nuôi dưỡng (xét theo nguyện vọng cháu H1, cháu Ph được sống cùng chị H). Anh S không cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Anh Danh S được quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Th My H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008373 ngày 18/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày được tính kể từ ngày các đương sự nhận được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cẩm Hương